

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2007, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Chương 6 – Công bố thông tin, Nghị định số 144/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ về Chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2007 của Công ty.

Sài Sơn, ngày 12 tháng 2 năm 2008.

Thay mặt Hội đồng quản trị

Nguyễn Văn Bồng

Sài Sơn, ngày 12 tháng 2 năm 2008.

TM. Ban Giám đốc
Giám đốc

Nguyễn Văn Bồng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2007	01/01/2007
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		117.555.472.527	68.819.164.852
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền		16.859.619.948	5.372.741.271
111	1. Tiền	3	16.859.619.948	5.372.741.271
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		35.505.686.480	43.600.000.000
121	1. Đầu tư ngắn hạn	4	35.505.686.480	43.600.000.000
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		57.436.371.187	13.378.619.617
131	1. Phải thu khách hàng		5.125.814.055	4.991.850.927
132	2. Trả trước cho người bán		48.775.633.594	6.350.767.631
135	5. Các khoản phải thu khác	5	3.734.923.538	2.236.001.059
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(200.000.000)	(200.000.000)
140	IV. Hàng tồn kho		7.053.435.490	5.958.830.987
141	1. Hàng tồn kho	6	7.053.435.490	5.958.830.987
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		700.359.422	508.972.977
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		591.091.045	394.472.441
158	4. Tài sản ngắn hạn khác		109.268.377	114.500.536
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		32.688.958.988	24.482.072.262
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		29.346.458.988	21.052.526.957
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	8.300.910.643	9.843.000.651
222	- Nguyên giá		44.790.782.986	43.116.919.352
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(36.489.872.343)	(33.273.918.701)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	8	-	-
228	- Nguyên giá		1.817.600	1.817.600
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.817.600)	(1.817.600)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	21.045.548.345	11.209.526.306
240	III. Bất động sản đầu tư		-	-
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		3.342.500.000	3.342.500.000
258	3. Đầu tư dài hạn khác	10	3.342.500.000	3.342.500.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		-	87.045.305
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	-	87.045.305
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		150.244.431.515	93.301.237.114

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2007	01/01/2007
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		40.392.936.671	28.393.658.381
310	I. Nợ ngắn hạn		40.220.558.632	28.289.864.249
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	12	4.130.990.934	2.044.858.934
312	2. Phải trả người bán		10.490.882.513	4.649.530.774
313	3. Người mua trả tiền trước		15.586.437.686	930.666.927
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	3.579.768.683	1.545.630.914
315	5. Phải trả người lao động		1.232.848.727	2.999.137.485
316	6. Chi phí phải trả	14	308.181.545	282.733.968
317	7. Phải trả nội bộ		-	-
318	8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-	-
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	15	4.891.448.544	15.837.305.247
320	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	-
330	II. Nợ dài hạn		172.378.039	103.794.132
331	1. Phải trả dài hạn người bán		-	-
332	2. Phải trả dài hạn nội bộ		-	500.000
333	3. Phải trả dài hạn khác		-	-
334	4. Vay và nợ dài hạn		-	-
335	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		-	-
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		172.378.039	103.294.132
337	7. Dự phòng phải trả dài hạn		-	-
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		109.851.494.844	64.907.578.733
410	I. Vốn chủ sở hữu		108.841.617.339	64.365.301.753
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	16	27.742.000.000	11.742.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		4.800.000.000	-
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
414	4. Cổ phiếu quỹ (*)		-	-
415	5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
417	7. Quỹ đầu tư phát triển	16	46.956.662.302	32.674.821.816
418	8. Quỹ dự phòng tài chính	16	1.174.200.000	1.174.200.000
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		28.166.943.774	18.772.468.674
421	11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		1.811.263	1.811.263
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		1.009.877.505	542.276.980
431	1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		959.877.505	706.460.223
432	2. Nguồn kinh phí	17	50.000.000	(164.183.243)
433	3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		150.244.431.515	93.301.237.114

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2007	01/01/2007
1.	Tài sản thuê ngoài		-	-
2.	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3.	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4.	Nợ khó đòi đã xử lý		354.549.935	354.549.935
5.	Ngoại tệ các loại		-	-
6.	Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Sài Sơn, ngày 12 tháng 2 năm 2008

Người lập biểu

Đỗ Khắc Thường

Kế toán trưởng

Phùng Minh Tuấn

Giám đốc



Nguyễn Văn Bồng

2008
CÔNG
NHIỆM
CH VUS
AI CHINH
VA KI
TOAN

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Năm 2007

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	2007	2006
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	185.063.279.910	134.263.026.978
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19	1.859.999	6.434.545
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	185.061.419.911	134.256.592.433
11	4. Giá vốn hàng bán	21	146.910.230.986	104.836.018.085
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		38.151.188.925	29.420.574.348
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	4.965.244.001	3.089.027.256
22	7. Chi phí tài chính	23	240.926.978	2.867.930.759
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		240.926.978	349.020.859
24	8. Chi phí bán hàng		4.629.377.514	3.017.972.466
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		4.505.400.686	4.953.954.590
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		33.740.727.748	21.669.743.789
31	11. Thu nhập khác		176.083.890	158.708.150
32	12. Chi phí khác		183.804.000	-
40	13. Lợi nhuận khác		(7.720.110)	158.708.150
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		33.733.007.638	21.828.451.939
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24	4.722.621.070	3.055.983.271
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		<u>29.010.386.568</u>	<u>18.772.468.668</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)		10.705	15.987

Người lập biểu



Đỗ Khắc Thương

Kế toán trưởng



Phùng Minh Tuấn

Sài Sơn, ngày 12 tháng 2 năm 2008

Giám đốc



Nguyễn Văn Bồng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Theo phương pháp gián tiếp
Năm 2007

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	2007	2006
01	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
	1. Lợi nhuận trước thuế		33.733.007.638	21.828.451.939
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định		3.323.351.347	3.786.371.776
03	- Các khoản dự phòng			-
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện			-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư			-
06	- Chi phí lãi vay		240.926.978	349.020.859
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		37.297.285.963	25.963.844.574
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(539.056.696)	(9.752.910.350)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(1.094.604.503)	294.440.434
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		9.896.556.614	886.377.695
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(109.573.299)	(341.517.746)
13	- Tiền lãi vay đã trả		(211.742.700)	(370.290.500)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(3.176.008.842)	(2.000.000.000)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		858.603.918	3.975.411.443
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.226.983.926)	(1.268.816.870)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		40.694.476.529	17.386.538.680
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(48.313.595.520)	(11.223.617.215)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác			-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(86.600.000.000)	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		94.694.313.520	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(30.790.000.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	16.980.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		4.865.189.001	-
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(35.354.092.999)	(25.033.617.215)
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		7.173.480.000	12.185.160.000
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành			-
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		8.666.500.000	3.771.454.000
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(6.580.368.000)	(5.424.529.000)
35	5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính			-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(3.113.116.853)	(1.662.864.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		6.146.495.147	8.869.221.000
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		11.486.878.677	1.222.142.465
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		5.372.741.271	4.150.598.806
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ			
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		16.859.619.948	5.372.741.271

Sài Sơn, ngày 12 tháng 2 năm 2008

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Đỗ Khắc Thương

Phùng Minh Tuấn

Nguyễn Văn Bồng